

Bản án số: 04/2020/KDTM-ST

Ngày: 18/9/2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Thu

Bà Trương Thị Nga

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Trang.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý: 24/2020/TLST-KDTM ngày 19 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-DS ngày 18/8/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q

Địa chỉ: Tầng 1 +2 Tòa nhà S, số 111A P, phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện: Ông Hàn Ngọc V – Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Chu Quang M, sinh năm 1995 (có mặt)

Chuyên viên xử lý nợ, Phòng xử lý nợ miền Bắc, Ngân hàng TMCP Q.

Bị đơn: Anh Ngọc Văn L, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Chị Bùi Thị H, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/5/2020, lời khai và trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, phía nguyên đơn trình bày:

Ngày 17/6/2019, anh Ngọc Văn L và chị Bùi Thị H ký với Ngân hàng TMCP Q (VIB) – Chi nhánh Th – Phòng giao dịch B hợp đồng tín dụng số 4920070.19. Ngày 19/6/2019, Ngân hàng giải ngân cho anh L và chị H số tiền vay là 395.000.000đ. Mục đích vay: bổ sung vốn phát triển kinh doanh hàng nhôm kính. Thời hạn vay là 60 tháng (từ ngày 20/6/2019 đến ngày 19/6/2024). Phương thức thanh toán: Hoàn trả khoản tín dụng gốc hàng tháng, trả lãi hàng tháng. Lãi xuất cho vay thả nổi. Mức lãi suất tại thời

điểm giải ngân là 10,5%, lãi suất này sẽ được Ngân hàng chủ động điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi xuất cơ bản theo sản phẩm cho vay, cộng biên độ 2,3%/năm. Lãi xuất nợ quá hạn bằng 150% lãi xuất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bên được cấp tín dụng vi phạm bất kỳ thỏa thuận nào quy định tại tài liệu vay vốn, Ngân hàng có toàn quyền yêu cầu bên được cấp tín dụng hoàn trả ngay toàn bộ khoản tín dụng.

Hợp đồng tín dụng có bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp tài sản số 5397432.19 ngày 18/6/2019, tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích đất 93,4m², thửa đất số 219, tờ bản đồ số 07 (190578-6-a) Bản đồ địa chính xã T, lập năm 2015 và tài sản gắn liền với đất, có địa chỉ tại Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CR 901445 ngày 10/6/2019, đứng tên anh Ngọc Văn L.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, anh L và chị H đã trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền là 45.400.000đ, bao gồm 30.900.000đ tiền nợ gốc, 14.500.000đ tiền lãi. Từ ngày 25/11/2019, anh L và chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết với ngân hàng, vi phạm nội dung thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên toàn bộ khoản vay đã bị chuyển nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc và tạo điều kiện cho anh L và chị H trả nợ nhưng anh L và chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 18/9/2020, anh L, chị H còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 364.100.000đ; lãi trong hạn: 32.208.017đ; Lãi quá hạn: 5.502.736đ; Tổng nợ: 401.810.753đ. Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau: Buộc anh L, chị H phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ là 401.810.753đ. Nếu anh L, chị H không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án tuyên bố Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp để xử lý, thu hồi nợ.

Tại bản tự khai ngày 06/7/2020 và quá trình giải quyết vụ án, chị Bùi Thị H trình bày: Ngày 17/6/2019, vợ chồng chị ký hợp đồng tín dụng, vay Ngân hàng TMCP Q số tiền 395.000.000đ, mục đích kinh doanh hàng nhôm kính, thời hạn vay là 60 tháng, hình thức vay trả góp, thời hạn vay tính từ ngày 20/6/2019 đến ngày 19/6/2024. Mức lãi xuất khi vay là 10,5% và được chủ động điều chỉnh tăng giảm lãi suất 3 tháng/lần. Khoản vay có thế chấp bằng tài sản là quyền sử dụng diện tích đất 93,4m², thửa đất số 219, tờ bản đồ số 07 (190578-6-a) Bản đồ địa chính xã T, lập năm 2015 và tài sản gắn liền với đất, có địa chỉ tại Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CR 901445 ngày 10/6/2019, đứng tên anh Ngọc Văn L. Hàng tháng vợ chồng chị phải trả góp nợ gốc là 6.600.000đ và tiền lãi trên số dư nợ gốc. Vợ chồng chị đã trả được nợ gốc là 30.900.000đ và nợ lãi là 14.500.000đ. Hiện còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 364.100.000đ và tiền lãi. Do điều kiện hiện tại vợ chồng chị đang gặp một số khó khăn về tài chính nên chưa thể trả ngay toàn bộ nợ cho Ngân hàng được, vì vậy đề nghị Ngân hàng cho vợ chồng chị được khất nợ đến ngày 30/9/2020, vợ chồng chị sẽ trả toàn bộ nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Ngọc Văn L không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã về tại địa phương xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa nhưng anh L không có nhà, Tòa án đã làm việc với ông Ngọc Văn Th là bố đẻ anh L. Ông Th cho biết: Anh L thuê nhà trên thành phố để làm ăn, địa chỉ cụ thể thì ông không nhớ, thì thoảng mới về nhà. Các văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt cho anh L, ông Th đều đã nhận thay, và cam đoan đã giao ngay cho anh L đầy đủ.

Tại phiên hòa giải ngày 08/7/2020, có mặt chị Bùi Thị H, anh Ngọc Văn L vắng mặt. Chị H và Ngân hàng TMCP Q đã thống nhất được mọi vấn đề giải quyết vụ án bao gồm: Số tiền nợ gốc, nợ lãi, phương thức và thời gian trả nợ. Tòa án đã lập biên bản hòa giải thành, giao cho chị H theo đúng quy định của pháp luật, chị H cũng đã nhận thay cho anh L và cam đoan giao ngay biên bản hòa giải thành cho anh L. Tuy nhiên, hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, anh L vẫn không đến Tòa án làm việc và không nộp cho Tòa án ý kiến của mình về thỏa thuận giữa chị H và Ngân hàng. Vì vậy, Tòa án không thể công nhận kết quả hòa giải thành và phải đưa vụ án ra xét xử để đảm bảo quyền lợi của tất cả các bên đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H trình bày nhận xét về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn, bị đơn được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng **Điều 280, 288, 299, 317, 318, 320, 351, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình**, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP Q, buộc anh Ngọc Văn L và chị Bùi Thị H phải trả toàn bộ khoản tiền nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng.

Về án phí: Đề nghị buộc anh L, chị H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Ngân hàng TMCP Q khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, căn cứ **1 Điều 30**, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện H thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2]. *Về sự vắng mặt của bị đơn:* Quá trình giải quyết vụ án, anh L không đến Tòa án làm việc, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh L thông

qua bố để anh L là ông Ngọc Văn Th, ông Th cam đoan đã giao ngay cho anh L đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án. Tại phiên tòa ngày 08/9/2020, anh L, chị H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và tổng đạt ngay các văn bản tố tụng cho anh L, chị H.

Tại phiên tòa ngày 18/9/2020, anh L, chị H vắng mặt không có lý do, Phiên tòa vẫn diễn ra là đúng theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về Nội dung tranh chấp:

[2.1] Về số tiền vay:

Theo hợp đồng tín dụng số 4920070.19 ngày 17/6/2019 được ký giữa vợ chồng anh L, chị H và Ngân hàng TMCP Q – Chi nhánh Th – Phòng giao dịch B, ngày 19/6/2019, Ngân hàng giải ngân cho anh L và chị H số tiền vay là 395.000.000đ. Thời hạn vay là 60 tháng (từ ngày 20/6/2019 đến ngày 19/6/2024). Phương thức thanh toán: Hoàn trả khoản tín dụng gốc hàng tháng; trả lãi hàng tháng. Lãi suất vay thả nổi, mức lãi suất tại thời điểm giải ngân là 10,5%. Lãi xuất nợ quá hạn bằng 150% lãi xuất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Mức lãi xuất tại thời điểm vay và lãi xuất quá hạn được ký kết giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật về lãi xuất tiền vay. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, anh L và chị H đã trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền là 45.400.000đ, bao gồm 30.900.000đ tiền nợ gốc, 14.500.000đ tiền lãi. Từ ngày 25/11/2019, anh L, chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết với ngân hàng TMCP Q nên toàn bộ khoản vay đã bị chuyển nợ quá hạn. Tính đến ngày 18/9/2020, anh L, chị H còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 364.100.000đ; tiền lãi là 37.710.735đ; Tổng nợ: 401.810.735đ. Anh L, chị H đã vi phạm nội dung thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng TMCP Q yêu cầu Tòa án buộc anh L, chị H phải hoàn trả ngay toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng là hoàn toàn với sự tự nguyện thỏa thuận của các bên khi ký kết hợp đồng tín dụng và quy định của pháp luật nên cần buộc anh L, chị H phải có nghĩa vụ liên đới trả ngay toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 18/9/2020 là 401.810.735đ. Ngoài ra, anh L và chị H còn có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số tiền lãi phát sinh trên tổng số dư nợ gốc tính từ ngày xét xử cho đến khi tất toán khoản nợ với mức lãi xuất quá hạn mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

[2.2] Về tài sản bảo đảm: Ngày 18/6/2019, Anh L và chị H đã ký hợp đồng thế chấp tài sản số 5397432.19 để bảo đảm cho việc vay tiền Ngân hàng TMCP Q, tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích đất 93,4m², thửa đất số 219, tờ bản đồ số 07 (190578-6-a) Bản đồ địa chính xã T, lập năm 2015 và tài sản gắn liền với đất, có địa chỉ tại Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CR 901445 ngày 10/6/2019, đứng tên anh Ngọc Văn L. Qua thẩm định, tài sản thế chấp không có sự thay đổi so với thời điểm thế chấp. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được lập giữa anh L và Ngân hàng, có công chứng đầy đủ, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện H là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp

luật về hợp đồng và về giao dịch bảo đảm. Trong trường hợp anh L, chị H không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP Q được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự huyện H kê biên, phát mại tài sản thế chấp để xử lý, thu hồi nợ.

Nếu số tiền thu được từ quá trình phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thu hồi nợ cho Ngân hàng, anh L và chị H vẫn phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi phát sinh cho Ngân hàng cho đến khi trả xong nợ bằng các nguồn thu và tài sản khác của mình.

[3] Về án phí: Buộc anh Ngọc Văn L và chị Bùi Thị H phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ **khoản 1 Điều 30**, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, 288, 299, 317, 318, 320, 351, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Ngọc Văn L và chị Bùi Thị H phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Q toàn bộ số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng số 4920070.19 ký ngày 17/6/2019, tạm tính đến ngày 18/9/2020 là 401.810.753đ (*Bốn trăm linh một triệu tám trăm mười nghìn bảy trăm năm ba đồng*) trong đó, nợ gốc là 364.100.000đ (*Ba trăm sáu mươi triệu một trăm mười nghìn đồng*); tiền lãi là 37.710.753đ (*Ba bảy triệu bảy trăm mười nghìn bảy trăm ba lăm đồng*).

Anh Ngọc Văn L và chị Bùi Thị H còn phải tiếp tục liên đới nghĩa vụ trả tiền lãi quá hạn phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 19 tháng 9 năm 2020 cho đến khi thanh toán xong nợ. Lãi suất được tính theo Hợp đồng tín dụng số 4920070.19 ký ngày 17/6/2019.

Trường hợp anh L và chị H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm là quyền sử dụng diện tích đất 93,4m², thửa đất số 219, tờ bản đồ số 07 (190578-6-a) Bản đồ địa chính xã T, lập năm 2015 và tài sản gắn liền với đất, có địa chỉ tại Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CR 901445 ngày 10/6/2019, đứng tên anh Ngọc Văn L (*thực hiện theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất/ tài sản gắn liền với đất số 5397432.19 ngày 18/6/2019*) để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Nếu số tiền thu được từ quá trình phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thu hồi nợ cho Ngân hàng, anh L và chị H vẫn phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi phát sinh cho Ngân hàng cho đến khi trả xong nợ bằng các nguồn thu và tài sản khác của mình.

Về án phí: Bị đơn – anh Ngọc Văn L và chị Bùi Thị H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.072.430đ (Hai mươi triệu không trăm bảy hai nghìn bốn trăm ba mươi đồng) Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.550.000đ (Chín triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0009881 ngày 18/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THA DS huyện H;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Vân